

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1. Giới thiệu chung về dự toán, gói thầu:

- Dự toán: **Sửa chữa duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn năm 2026**
- Gói thầu số 4: Sửa chữa, nâng cấp một số thiết bị VKCNC, bao gồm: **Máy gia công CTĐM; Thiết bị MXL bằng PPMĐP; Thiết bị MXL bằng PPD; Thiết bị EL**
- Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày

2. Mục tiêu công việc:

STT	Danh mục	Khối lượng	Nội dung sửa chữa, bổ sung
1	Máy gia công CTĐM	01 cái	<ul style="list-style-type: none">- Thân vỏ:<ul style="list-style-type: none">+ Vệ sinh thân vỏ hệ thống+ Vệ sinh phần quạt làm mát, bộ nguồn của khối điều khiển.- Bộ nguồn:<ul style="list-style-type: none">Dùng đồng hồ đo điện để kiểm tra lại điện áp và dòng ra của phần nguồn. Nếu đầu ra không ổn định hoặc bị sụt áp sẽ thay thế những linh kiện- Sửa chữa, thay thế bộ điều khiển, máy hút chân không và máy nén khí:<ul style="list-style-type: none">+ Bộ điều khiển di chuyển trục X/Y+ Bộ điều khiển di chuyển trục Z+ Bộ điều khiển tốc độ đầu khoan, phay+ Máy hút chân không có tác dụng làm sạch+ Bàn hút chân không dùng ProtoMar S103 3- Bổ sung vật tư:<ul style="list-style-type: none">+ Bộ vật tư phối mạch in2 chiếc Drill backing plate white, 315 mm x 239 mm x 5 mm10 chiếc Base plate FR4, 229 mm x 305 mm (9"x12") 0/35 μm (predrilled)5 chiếc Base plate FR4, 229 mm x 305 mm (9"x12") 35/35 μm (predrilled)5 chiếc Base plate FR4, 229 mm x 305 mm (9"x12") 18/18 μm (predrilled)5 chiếc Micro Cutter có vòng giới hạn khoảng cách 1/8", 36 mm, d = 0.1-0.15 mm5 chiếc End Mill (RF) có vòng giới hạn khoảng cách 1/8", 36 mm, d = 0.25 mm- Bộ dụng cụ các loại mũi khoan, phay, cắt 1/8"- Bộ vật tư mũi khoan cắt các loại
2	Thiết bị MXL bằng PPMĐP	01 cái	<ul style="list-style-type: none">- Thân vỏ:<ul style="list-style-type: none">+ Vệ sinh thân vỏ hệ thống+ Vệ sinh phần quạt làm mát, bộ nguồn của khối điều khiển.- Bộ nguồn:<ul style="list-style-type: none">Dùng đồng hồ đo điện để kiểm tra lại điện áp và dòng ra của

STT	Danh mục	Khối lượng	Nội dung sửa chữa, bổ sung
			<p>phần nguồn. Nếu đầu ra không ổn định hoặc bị sụt áp sẽ thay thế những linh kiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sửa chữa, hiệu chuẩn bộ điều khiển dung dịch mạ và bộ điều khiển thời mạ + Bộ điều khiển dung dịch mạ + Bộ điều khiển thời gian mạ - Bổ sung một số bộ hóa chất + 30 lít Cleaner 110 + 30 lít Cleaner 210 + 10 lít Activator 310 + 35 lít Copper Plater 400 + 0,5 lít Shine 400
3	Thiết bị MXL bằng PPD	01 cái	<ul style="list-style-type: none"> - Thân vỏ: + Vệ sinh thân vỏ hệ thống + Vệ sinh phần quạt làm mát, bộ nguồn của khối điều khiển. - Bộ nguồn: <p>Dùng đồng hồ đo điện để kiểm tra lại điện áp và dòng ra của phần nguồn. Nếu đầu ra không ổn định hoặc bị sụt áp sẽ thay thế những linh kiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sửa chữa bộ điều khiển di chuyển trục X/Y - Sửa chữa bộ điều khiển di chuyển trục Z - Bổ sung bộ điều khiển thời gian mạ - Bổ sung, nâng cấp lò sấy khô - Sửa chữa nâng cấp bàn hút chân không - Sửa chữa nâng cấp máy hút bụi chân không
4	Thiết bị EL	01 cái	<ul style="list-style-type: none"> - Thân vỏ: + Vệ sinh thân vỏ hệ thống + Vệ sinh phần quạt làm mát, bộ nguồn của khối điều khiển. - Bộ nguồn: <p>Dùng đồng hồ đo điện để kiểm tra lại điện áp và dòng ra của phần nguồn. Nếu đầu ra không ổn định hoặc bị sụt áp sẽ thay thế những linh kiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sửa chữa nâng cấp bộ điều khiển lực ép - Sửa chữa nâng cấp bộ điều khiển thời gian ép - Bổ sung nhựa FR4 - Bổ sung các loại vật liệu cho mạch in 5 chiếc Drill backing plate white, 315 mm x 239 mm x 5 mm 5 chiếc Base plate FR4, 229 mm x 305 mm (9"x12") 0/35 µm (predrilled) 10 chiếc Base plate FR4, 229 mm x 305 mm (9"x12") 35/35 µm (predrilled) 10 chiếc Base plate FR4, 229 mm x 305 mm (9"x12") 18/18 µm (predrilled) 5 chiếc Micro Cutter có vòng giới hạn khoảng cách 1/8", 36 mm, d = 0.1-0.15 mm

STT	Danh mục	Khối lượng	Nội dung sửa chữa, bổ sung
			5 chiếc End Mill (RF) có vòng giới hạn khoảng cách 1/8", 36 mm, d = 0.25 mm

Ghi chú: Nhà thầu có thể đến bên mời thầu để khảo sát cụ thể tình trạng thiết bị và nhận BV đồ gá làm cơ sở lập E-HSDT sát thực tế.

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

3.1. Yêu cầu kỹ thuật:

Thiết bị sau sửa chữa phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của thiết bị

3.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật

3.2.1. Tiến độ:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1. Có kế hoạch cụ thể để thời gian thực hiện đảm bảo không quá 30 ngày có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công	Đề xuất thời gian thực hiện không vượt quá 30 ngày có tính đến điều kiện thời tiết.	Đạt
	Đề xuất về thời gian thực hiện vượt quá 30 ngày.	Không đạt
2. Tính phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thực hiện b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thực hiện	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b).	Đạt
	Đề xuất không đủ 2 nội dung a) và b)	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt	Không đạt

3.2.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1. Biện pháp bảo đảm chất lượng	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức sửa chữa	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt
2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ sửa chữa.	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thực hiện.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thực hiện.	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không	Không đạt

	đạt.	
--	------	--

3.2.3. Bảo hành và uy tín của nhà thầu:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1. Bảo hành		
Thời gian bảo hành 03 tháng.	Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 03 tháng.	Đạt
	Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 03 tháng.	Không đạt
2. Uy tín của nhà thầu		
Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó trong vòng 2 năm (2022, 2023) trở lại đây.	Không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu.	Đạt
	Có một hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu nhưng lại có một hợp đồng tương tự khác được giải thưởng về chất lượng.	Chấp nhận được
	Có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu và không có hợp đồng tương tự nào được giải thưởng về chất lượng.	Không đạt
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết 1 được xác định là đạt, tiêu chuẩn chi tiết 2 được xác định là đạt hoặc chấp nhận được.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt	Không đạt

3.2.4. Các yếu tố cần thiết khác:

E-Hồ sơ dự thầu phải đáp ứng theo qui định tại E-CDNT 10.8

Ghi chú: Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chuẩn được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn trên thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương V, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;
2. Kế hoạch công tác.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Theo quy định của hợp đồng.